TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - TKV
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN NA DƯƠNG - TKV

Số: 1364 /NĐND-KHĐTVT

V/v mời báo giá Gói cung cấp: Dịch vụ Đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500 để xác định khối lượng tro xỉ tồn bãi chứa tro xỉ của Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lạng Sơn, ngày 26 tháng 11 năm 2026

Kính gửi: Các nhà cung cấp có quan tâm

Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV xin gửi lời chào trân trọng và hợp tác tới Quý đơn vị.

Để có cơ sở lựa chọn nhà cung cấp có năng lực phù hợp, Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV trân trọng mời các nhà cung cấp quan tâm, có đủ năng lực và kinh nghiệm tham gia chào giá cho gói cung cấp nêu trên theo các nội dung sau:

1. Nội dung yêu cầu của Hồ sơ báo giá

(Chi tiết đính kèm theo).

2. Thời gian và địa chỉ nhận Hồ sơ báo giá

- Thời gian nhận Hồ sơ báo giá: Trước 10 giờ 00 phút, ngày 08/12/2026.

- Địa chỉ nhận báo giá: Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV *(Địa chỉ: Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn; Điện thoại: 02053.844.263; Fax: 02053.844.132; E-mail: naduong@vinacominpower.vn và E-mail: kehoachndpc@gmail.com).*

Lưu ý:

- Bản báo giá phải do đại diện hợp pháp của nhà cung cấp dịch vụ ký tên, đóng dấu. Trường hợp ký thay thì người ký phải được uỷ quyền của đại diện hợp pháp của nhà cung cấp kèm theo giấy uỷ quyền hoặc quyết định giao việc hoặc văn bản tương đương (nếu có);

- Bản báo giá và các tài liệu kèm theo phải được đựng trong cùng một phong bì dán kín, có niêm phong và gửi trực tiếp về Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV, Thôn 4, Xã Na Dương, Tỉnh Lạng Sơn. Điện thoại: 02053.844.263.

- Thời hạn kết thúc nhận Hồ sơ báo giá: Trước 10 giờ 00 phút, ngày 08/12/2026.

- Thời gian mở Hồ sơ báo giá: 10 giờ 30 phút, ngày 08/12/2026. Việc mở

Hồ sơ báo giá không phụ thuộc vào sự có hay không có mặt của đại diện nhà cung cấp. Biên bản mở Hồ sơ báo giá sẽ được bên mời cung cấp gửi đến nhà cung cấp ngay sau khi kết thúc mở Hồ sơ báo giá bằng đường bưu điện hoặc qua email.

Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV rất mong nhận được sự hợp tác và hỗ trợ từ Quý đơn vị.

Trân trọng!

Nơi nhận:
- Website TKV: vinacomin.vn (để đăng tải);
- Website ĐLTKV: dienluctkv.vn (để đăng tải);
- Giám đốc (e-copy, để b/c);
- Các PGĐ, KTT (e-copy, để p/h);
- Lưu: VT, KHĐTVT, LĐT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

M.S.C.N: 0104297034-001-C.T.C.P
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN NA DƯƠNG - TKV
CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV CTCP
X. NA DƯƠNG T. LẠNG SƠN

Trần Việt Anh

BẢN YÊU CẦU BÁO GIÁ

Tên gói cung cấp:	**Dịch vụ Đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500 để xác định khối lượng tro xỉ tồn bãi chứa tro xỉ của Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV**
Phát hành ngày:	**Theo thông báo mời nhà cung cấp**
Ban hành kèm theo Quyết định	**Số: 739 /QĐ-NĐND ngày 26 / 11/2026 của Giám đốc Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV**

Tổ Chuyên gia
TỔ TRƯỞNG

Nguyễn Đức Dương

Bên mời nhà cung cấp
Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV
GIÁM ĐỐC

M.S.C.N: 0104297034-001 C.T.C.P * CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN NA DƯƠNG-TKV CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV CTCP * X. NA DƯƠNG T. LẠNG SƠN *

Phạm Đức Tuyên

MỤC LỤC

Mô tả tóm tắt

Chương I. Chỉ dẫn nhà cung cấp

Chương II. Tiêu chuẩn đánh giá báo giá

Chương III. Biểu mẫu

Chương IV. Yêu cầu đối với gói cung cấp

Chương V. Dự thảo hợp đồng

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

Bên mời nhà cung cấp	Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV
Gói cung cấp	Dịch vụ Đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500 để xác định khối lượng tro xỉ tồn bãi chứa tro xỉ của Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV
Quyết định số 353/QĐ-ĐLTKV	Quyết định số 353/QĐ-ĐLTKV ngày 15/02/2024 của Tổng công ty điện lực - TKV về việc ban hành Quy định lựa chọn nhà cung cấp hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ bảo đảm tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh trong Tổng công ty điện lực TKV - CTCP (ĐLTKV)
BYCBG	Bản yêu cầu báo giá
HSBG	Hồ sơ báo giá

Chương I
CHỈ DẪN NHÀ CUNG CẤP

Mục 1. Phạm vi gói cung cấp

1. Bên mời nhà cung cấp (Công ty nhiệt điện Na Dương - TKV) mời nhà cung cấp nộp HSBG gói cung cấp được mô tả tại Chương IV - Yêu cầu đối với gói cung cấp.

- Tên gói cung cấp: Dịch vụ Đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500 để xác định khối lượng tro xỉ tồn bãi chứa tro xỉ của Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV.

2. Nguồn vốn để thực hiện gói cung cấp: Chi phí SXKD.

3. Loại hợp đồng: Đơn giá cố định.

4. Thời gian thực hiện gói cung cấp: 48 tháng, trong đó:

+ Công tác khảo sát, đo đạc, tính toán khối lượng lần đầu: 40 ngày;

+ Công tác khảo sát, đo đạc, tính toán các lần tiếp theo 15 ngày/lần.

Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà cung cấp

Nhà cung cấp là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ nhưng không giới hạn ở các điều kiện sau đây:

1. Được đăng ký thành lập, hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật.

2. Hạch toán tài chính độc lập.

3. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản.

4. Không có tên trong dang sách các Nhà cung cấp bị cấm tham gia quá trình lựa chọn nhà cung cấp của ĐLTKV, đơn vị lựa chọn Nhà cung cấp.

Mục 3. Làm rõ, sửa đổi BYCBG, khảo sát hiện trường

1. Làm rõ BYCBG

Trong trường hợp cần làm rõ BYCBG, nhà cung cấp phải gửi văn bản đề nghị làm rõ đến bên mời nhà cung cấp muộn nhất vào ..02./12./2026. Khi nhận được đề nghị làm rõ BYCBG của nhà cung cấp, bên mời nhà cung cấp sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà cung cấp có yêu cầu làm rõ và tất cả các nhà cung cấp khác đã mua hoặc nhận BYCBG từ bên mời nhà cung cấp, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà cung cấp đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi BYCBG thì bên mời nhà cung cấp tiến hành sửa đổi BYCBG theo thủ tục quy định tại Khoản 2 Mục này.

2. Sửa đổi BYCBG

Trường hợp sửa đổi BYCBG, bên mời nhà cung cấp sẽ gửi nhà cung cấp không muộn hơn ngày ..04../.12./2026.

Nhằm giúp nhà cung cấp có đủ thời gian để sửa đổi HSBG, bên mời nhà cung cấp có thể gia hạn thời điểm nộp HSBG quy định tại khoản 1 Mục 9 Chương I - Chỉ dẫn nhà cung cấp bằng việc sửa đổi BYCBG.

3. Khảo sát hiện trường

Nhà cung cấp được phép khảo sát hiện trường để phục vụ việc lập HSBG. Các chi phí, rủi ro trong quá trình khảo sát hiện trường do nhà cung cấp tự chi trả. Nhà cung cấp cần liên hệ trước với bên mời nhà cung cấp để được bố trí tiếp cận hiện trường theo yêu cầu.

Mục 4. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ trong HSBG

1. Nhà cung cấp phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình nộp HSBG.

2. Đồng tiền tham dự chào giá và đồng tiền thanh toán là VND.

3. HSBG cũng như tất cả văn bản và các tài liệu liên quan đến HSBG được trao đổi giữa bên mời nhà cung cấp và nhà cung cấp phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSBG có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, bên mời nhà cung cấp có thể yêu cầu nhà cung cấp gửi bổ sung.

Mục 5. Thành phần của HSBG

HSBG do nhà cung cấp chuẩn bị phải bao gồm:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III - Biểu mẫu;

2. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn chào hàng, của nhà cung cấp và tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà cung cấp;

3. Bảng tổng hợp giá chào theo Mẫu số 03 Chương III - Biểu mẫu;

4. Bản cam kết thực hiện gói cung cấp theo Mẫu số 04 Chương III - Biểu mẫu;

5. Các nội dung khác yêu cầu trong BYCBG (nếu có).

Mục 6. Giá chào và giảm giá

1. Giá chào ghi trong đơn chào hàng bao gồm toàn bộ chi phí để thực hiện gói cung cấp (chưa tính giảm giá) theo yêu cầu của BYCBG.

2. Nhà cung cấp phải nộp HSBG cho toàn bộ công việc nêu tại Mục 1 Chương này và ghi đơn giá, thành tiền cho tất cả các công việc nêu trong cột "Mô tả công việc mời cung cấp" tại Bảng tổng hợp giá chào quy định tại Mẫu số 04 Chương III - Biểu mẫu.

Trường hợp tại cột "đơn giá " và cột "thành tiền" của một mục mà nhà cung cấp không ghi giá trị hoặc ghi là "0" thì được coi là nhà cung cấp đã phân

bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói cung cấp, nhà cung cấp phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong BYCBG và không được thanh toán trong quá trình thực hiện hợp đồng.

3. Trường hợp nhà cung cấp có đề xuất giảm giá thì có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng hoặc đề xuất riêng trong thư giảm giá. Trường hợp giảm giá, nhà cung cấp phải nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các gói cung cấp cụ thể. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả gói cung cấp. Trường hợp có thư giảm giá thì thư giảm giá có thể để cùng trong HSBG hoặc nộp riêng song phải bảo đảm bên mời nhà cung cấp nhận được trước thời điểm hết hạn nộp HSBG. Thư giảm giá sẽ được bên mời nhà cung cấp bảo quản như một phần của HSBG.

4. Giá chào của nhà cung cấp phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày hết hạn nộp HSBG. Trường hợp nhà cung cấp tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì HSBG của nhà cung cấp sẽ bị loại.

Mục 7. Thời gian có hiệu lực của HSBG

1. Thời gian có hiệu lực của HSBG là 60 ngày, kể từ ngày hết hạn nộp HSBG. HSBG nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá.

2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSBG, bên mời nhà cung cấp có thể đề nghị các nhà cung cấp gia hạn hiệu lực của HSBG. Việc gia hạn, chấp nhận hoặc không chấp nhận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản. Nếu nhà cung cấp không chấp nhận việc gia hạn thì HSBG của nhà cung cấp này không được xem xét tiếp. Nhà cung cấp chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSBG.

Mục 8. Quy cách HSBG

1. Nhà cung cấp phải chuẩn bị 01 bản gốc HSBG, đồng thời ghi bên ngoài hồ sơ là "HỒ SƠ BÁO GIÁ".

Trường hợp sửa đổi, thay thế HSBG thì nhà cung cấp phải chuẩn bị 01 bản gốc. Trên trang bìa của các hồ sơ ghi rõ "HỒ SƠ ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI", "HỒ SƠ ĐỀ XUẤT THAY THẾ".

3. Tất cả các thành phần của HSBG nêu tại Mục 5 Chương I - Chỉ dẫn nhà cung cấp phải được ký bởi người đại diện hợp pháp của nhà cung cấp và kèm theo Giấy ủy quyền hợp lệ (nếu ủy quyền).

4. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký HSBG.

Mục 9. Nộp, rút, thay thế và sửa đổi HSBG

1. Nhà cung cấp nộp trực tiếp hoặc gửi HSBG theo đường bưu điện đến địa chỉ của bên mời nhà cung cấp nhưng phải đảm bảo bên mời nhà cung cấp nhận được trước thời điểm nộp HSBG là trước 10 giờ 00 phút, ngày .08../.12./2026.

2. Bên mời nhà cung cấp sẽ tiếp nhận HSBG của nhà cung cấp nộp HSBG trước thời điểm hết hạn nộp HSBG. Trường hợp nhà cung cấp nộp HSBG sau thời điểm hết hạn nộp HSBG thì HSBG bị loại và được trả lại nguyên trạng cho nhà cung cấp.

3. Sau khi nộp, nhà cung cấp có thể rút lại HSBG bằng cách gửi văn bản thông báo có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà cung cấp đến bên mời nhà cung cấp trước thời điểm hết hạn nộp HSBG.

Trước thời điểm hết hạn nộp HSBG, nếu cần sửa đổi hoặc thay thế HSBG thì nhà cung cấp nộp HSBG thay thế hoặc HSBG sửa đổi cho bên mời nhà cung cấp với cách ghi thông tin nêu tại khoản 1, khoản 2 Mục 8 Chương I - Chỉ dẫn nhà cung cấp.

Mục 10. Làm rõ HSBG

1. Sau khi nhận HSBG, nhà cung cấp có trách nhiệm làm rõ HSBG theo yêu cầu của bên mời nhà cung cấp.

2. Nhà cung cấp được tự gửi tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của mình đến bên mời nhà cung cấp trong ngày 10. /12./2026. Bên mời nhà cung cấp có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà cung cấp để xem xét, đánh giá; các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm được coi như một phần của HSBG.

3. Việc làm rõ phải bảo đảm không làm thay đổi bản chất của nhà cung cấp, không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSBG đã nộp và không thay đổi giá chào.

Mục 11. Đánh giá HSBG và thương thảo hợp đồng

1. Việc đánh giá HSBG được thực hiện theo quy định tại Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá HSBG. Nhà cung cấp có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có) thấp nhất, không vượt giá trị dự toán gói cung cấp thì được mời vào thương thảo hợp đồng.

2. Việc thương thảo hợp đồng dựa trên các tài liệu sau: báo cáo đánh giá HSBG và các tài liệu làm rõ HSBG (nếu có) của nhà cung cấp.

3. Nguyên tắc thương thảo hợp đồng như sau:

a) Không tiến hành thương thảo đối với các nội dung nhà cung cấp đã chào theo đúng yêu cầu nêu trong BYCBG;

b) Trong quá trình đánh giá HSBG và thương thảo hợp đồng, nếu phát hiện gói cung cấp công việc, khối lượng mời cung cấp nêu trong Bảng tổng hợp

giá chào thiếu so với hồ sơ kỹ thuật thì bên mời nhà cung cấp yêu cầu nhà cung cấp bổ sung khối lượng công việc thiếu đó trên cơ sở đơn giá đã chào; trường hợp trong HSBG chưa có đơn giá thì bên mời nhà cung cấp báo cáo người mua xem xét, quyết định việc áp đơn giá nêu trong dự toán đã phê duyệt đối với khối lượng công việc thiếu so với hồ sơ kỹ thuật.

c) Khi thương thảo hợp đồng đối với phần sai lệch thiếu, trường hợp trong HSBG của nhà cung cấp không có đơn giá tương ứng với phần sai lệch thì phải lấy mức đơn giá trong dự toán được duyệt.

4. Nội dung thương thảo hợp đồng:

a) Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa BYCBG và HSBG, giữa các nội dung khác nhau trong HSBG có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng;

b) Thương thảo về các sai lệch do nhà cung cấp phát hiện và đề xuất trong HSBG (nếu có);

c) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà cung cấp (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói cung cấp;

d) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.

5. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng và phụ lục hợp đồng. Trường hợp thương thảo không thành công, bên mời nhà cung cấp báo cáo người mua xem xét gửi BYCBG đến nhà cung cấp khác.

Mục 12. Điều kiện xét duyệt nhà cung cấp được lựa chọn

Nhà cung cấp được xem xét, đề nghị lựa chọn khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có HSBG hợp lệ.

2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 2 Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá HSBG.

3. Các nội dung về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 3 Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá HSBG.

4. Có sai lệch thiếu không quá 10% giá chào.

5. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) không vượt dự toán gói cung cấp được phê duyệt.

6. Có giá đề nghị trúng gói cung cấp không vượt dự toán gói cung cấp được phê duyệt.

Mục 13. Điều kiện ký kết hợp đồng

1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, HSBG của nhà cung cấp được lựa chọn còn hiệu lực.

2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà cung cấp được lựa chọn phải bảo đảm vẫn đáp ứng yêu cầu về năng lực để thực hiện gói cung cấp. Trường hợp cần thiết, người mua tiến hành xác minh thông tin về năng lực, kinh nghiệm của nhà cung cấp, nếu vẫn đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói cung cấp thì mới tiến hành ký kết hợp đồng. Trường hợp thực tế nhà cung cấp không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm theo quy định nêu trong BYCBG thì người mua sẽ từ chối ký kết hợp đồng với nhà cung cấp. Khi đó, người mua sẽ huỷ quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp.

3. Người mua phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán, mặt bằng thực hiện và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói cung cấp theo đúng tiến độ.

Chương II
TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSBG

Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSBG

1. Kiểm tra HSBG

a) Kiểm tra số lượng HSBG;

b) Kiểm tra các thành phần của HSBG theo yêu cầu tại Mục 5 Chương I - Chỉ dẫn nhà cung cấp;

c) Kiểm tra nội dung HSBG để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSBG.

2. Tiêu chí đánh giá tính hợp lệ của HSBG

HSBG của nhà cung cấp được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

a) Có bản gốc HSBG;

b) Có đơn chào hàng được đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của BYCBG;

c) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải đáp ứng yêu cầu nêu trong BYCBG;

d) Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với bảng tổng hợp giá chào, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho người mua, bên mời nhà cung cấp;

e) Thời gian có hiệu lực của HSBG đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 7 Chương I - Chỉ dẫn nhà cung cấp;

f) Nhà cung cấp bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 2 Chương I - Chỉ dẫn nhà cung cấp;

g) Nhà cung cấp có HSBG hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực, kinh nghiệm.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Nhà cung cấp cam kết có đủ năng lực, kinh nghiệm thực hiện Gói cung cấp: Dịch vụ Đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500 để xác định khối lượng tro xỉ tồn bãi chứa tro xỉ của Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV cho Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV trong HSBG.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật quy định tại Mục 1, Mục 2, Mục 3. Yêu cầu kỹ thuật. Chương IV. Yêu cầu đối với gói cung cấp.

Mục 4. Xác định giá chào

Cách xác định giá chào theo các bước sau:

Bước 1: Xác định giá chào;

Bước 2: Sửa lỗi thực hiện theo quy định tại ghi chú (1);

Bước 3: Hiệu chỉnh sai lệch thực hiện theo quy định tại ghi chú (2);

Bước 4: Xác định giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 5: Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 12 Chương I - Chỉ dẫn nhà cung cấp;

Ghi chú:

(1) Sửa lỗi:

Việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá chào. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột "đơn giá" và cột "thành tiền" nhà cung cấp không ghi giá trị hoặc ghi là "0" thì được coi là nhà cung cấp đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói cung cấp, nhà cung cấp phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong BYCBG và được thanh toán theo đúng giá đã chào.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong BYCBG thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: Sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong BYCBG;

- Lỗi nhầm đơn vị: Sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi bên mời nhà cung cấp cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá nhà cung cấp chào rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của

gói cung cấp sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá tương ứng trong HSBG của nhà cung cấp có sai lệch;

Trường hợp một gói cung cấp trong HSBG của nhà cung cấp có sai lệch không có đơn giá thì lấy mức đơn giá trong dự toán được duyệt của gói cung cấp làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch;

Trường hợp HSBG của nhà cung cấp không có đơn giá tương ứng thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói cung cấp được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp nhà cung cấp có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá chào chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá chào ghi trong đơn chào hàng.

Chương III
BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG[1]

Ngày:____ *[Điền ngày tháng năm ký đơn chào hàng]*

Tên gói cung cấp: _____ *[Ghi tên gói cung cấp theo* BYCBG*]*

Kính gửi: *[Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời nhà cung cấp]*

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu và văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu số___*[Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có]* mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi,____ *[Ghi tên nhà cung cấp],* có địa chỉ tại ____*[Ghi địa chỉ của nhà cung cấp]* cam kết thực hiện gói cung cấp ____ *[Ghi tên gói cung cấp]* theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là ____*[Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền]*[2] cùng với biểu giá kèm theo.

Thời gian thực hiện hợp đồng là ____ *[Ghi thời gian để thực hiện xong tất cả nội dung công việc theo yêu cầu của gói cung cấp]*[3].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một hồ sơ đề xuất này với tư cách là nhà cung cấp chính;

2. Được đăng ký thành lập, hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật;

3. Hạch toán tài chính độc lập;

4. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản;

5. Không có tên trong dang sách các Nhà cung cấp bị cấm tham gia quá trình lựa chọn nhà cung cấp của ĐLTKV, đơn vị lựa chọn Nhà cung cấp;

6. Nhà cung cấp cam kết có đủ năng lực, kinh nghiệm thực hiện Gói cung cấp: Dịch vụ Đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500 để xác định khối lượng tro xỉ tồn bãi chứa tro xỉ của Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV.

7. Những thông tin kê khai trong hồ sơ đề xuất là trung thực.

Nếu hồ sơ đề xuất của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của hồ sơ yêu cầu.

Hồ sơ đề xuất này có hiệu lực trong thời gian ____ ngày[4], kể từ ngày ____

tháng _____ năm _____ (5).

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp(6)

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Nhà cung cấp lưu ý điền đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của bên mời nhà cung cấp, nhà cung cấp, thời gian có hiệu lực của hồ sơ đề xuất, được đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên, đóng dấu (nếu có).

(2) Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá chào hàng ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho người mua, bên mời nhà cung cấp.

(3) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật và yêu cầu về tiến độ nêu tại Mục 2 Chương IV - Yêu cầu đối với gói cung cấp.

(4) Ghi số ngày có hiệu lực theo đúng yêu cầu của BYCBG.

(5) Ghi ngày đóng hồ sơ tham dự gói cung cấp theo quy định của BYCBG.

(6) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp ủy quyền cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này).

Mẫu số 02

GIẤY ỦY QUYỀN[1]

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là *_[Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp],* là người đại diện theo pháp luật của ____ *[Ghi tên nhà cung cấp]* có địa chỉ tại ____ *[Ghi địa chỉ của nhà cung cấp]* bằng văn bản này ủy quyền cho ____ *[Ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền]* thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia chào hàng gói cung cấp_____ *[Ghi tên gói cung cấp]* do ____ *[Ghi tên bên mời nhà cung cấp]* tổ chức:

[- Ký đơn chào hàng;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời nhà cung cấp trong quá trình tham gia chào hàng, kể cả văn bản đề nghị làm rõ hồ sơ yêu cầu và văn bản giải trình, làm rõ hồ sơ đề xuất;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà cung cấp có kiến nghị;

- Ký kết hợp đồng với người mua nếu được lựa chọn.][2]

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ *[Ghi tên nhà cung cấp].* ____ *[Ghi tên nhà cung cấp]* chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ *[Ghi tên người được ủy quyền]* thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____[3]. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền	**Người ủy quyền**
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]	*[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời nhà cung cấp cùng với đơn chào hàng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà cung cấp để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp thực hiện một hoặc các nội dung công việc

nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà cung cấp hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia chào hàng.

Mẫu số 03

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO

Khi tham dự cung cấp, nhà cung cấp phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có). Giá chào của nhà cung cấp phải bao gồm các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày hết hạn nộp **HSBG** theo quy định. Trường hợp nhà cung cấp tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí thì **HSBG** của nhà cung cấp sẽ bị loại.

Stt	**Nội Dung**	**Yêu cầu kỹ thuật/kết quả đầu ra**	**Đvt**	**Số lượng**	**Đơn giá** *(đồng/đvt)*	**Thành tiền** *(đồng)*
(0)	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)=(4)*(5)*
1	**Công tác khảo sát, đo đạc tính toán khối lượng lần đầu** (Lập lưới giải tích I: 8 điểm; Lưới độ cao kỹ thuật: 10 Km; Đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1:500, đường bình độ 0,5m: 0,5779 Km^2)		**Lần**	**1**		
2	**Công tác khảo sát, đo đạc tính toán khối lượng các lần tiếp theo** (Đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1:500, đường bình độ 0,5m: 0,5779 Km^2)		**Lần**	**8**		
-	**Cộng**					
-	**Thuế GTGT 8%**					
-	**Tổng cộng**					

Ghi chú:

(2): Tham chiếu thông tin tại **Chương IV.**

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Mẫu số 04

BẢN CAM KẾT THỰC HIỆN GÓI CUNG CẤP

Ngày: _____*[Điền ngày tháng năm ký cam kết]*

Tên gói cung cấp: ____ *[Ghi tên gói cung cấp theo thông báo mời chào hàng]*

Kính gửi:____ *[Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời nhà cung cấp]*

Sau khi nghiên cứu BYCBG, văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu số ____ *[Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có]* do _____*[Ghi tên bên mời nhà cung cấp]* phát hành, chúng tôi, ____ *[Ghi tên nhà cung cấp],* có địa chỉ tại _____*[Ghi địa chỉ của nhà cung cấp]* cam kết:

- Cam kết đủ năng lực, kinh nghiệm thực hiện Gói cung cấp: *[Ghi tên gói cung cấp]*

- Cam kết thực hiện gói cung cấp ____ *[Ghi tên gói cung cấp]* theo đúng nội dung yêu cầu nêu trong BYCBG được duyệt.

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác của thông tin nêu trong bản cam kết này.

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

CHƯƠNG IV
YÊU CẦU ĐỐI VỚI GÓI CUNG CẤP

Mục 1. Nội dung công việc của gói cung cấp

1. Giới thiệu về gói cung cấp

- Tên gói cung cấp: Dịch vụ Đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500 để xác định khối lượng tro xỉ tồn bãi chứa tro xỉ của Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV.

- Người mua: Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV.

- Nguồn vốn: Chi phí sản xuất kinh doanh.

- Địa điểm thực hiện gói cung cấp: Tại khu vực Nhà máy Nhiệt điện Na Dương *(Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn).*

- Hình thức lựa chọn nhà cung cấp: Chào hàng cạnh tranh rút gọn theo quy định tại Khoản 1, Điều 5 của Quyết định số 353/QĐ-ĐLTKV ngày 15/02/2024.

- Quy trình tổ chức lựa chọn nhà cung cấp: Theo quy trình quy định tại Mục II.2, Phụ lục 02 của Quyết định số 353/QĐ-ĐLTKV ngày 15/02/2024.

- Loại hợp đồng: Đơn giá cố định.

- Thời gian thực hiện gói cung cấp: 48 tháng, trong đó:

+ Công tác khảo sát, đo đạc, tính toán khối lượng lần đầu: 40 ngày;

+ Công tác khảo sát, đo đạc, tính toán các lần tiếp theo 15 ngày/lần.

2. Phạm vi công việc của gói cung cấp

Phạm vi công việc là: Dịch vụ Đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500 để xác định khối lượng tro xỉ tồn bãi chứa tro xỉ của Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV.

Nhà cung cấp thực hiện Gói cung cấp: Dịch vụ Đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500 để xác định khối lượng tro xỉ tồn bãi chứa tro xỉ của Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV, bao gồm các công việc và khối lượng cụ thể như sau:

TT	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng
1	**Công tác khảo sát, đo đạc tính toán khối lượng lần đầu** (Lập lưới giải tích I: 8 điểm; Lưới độ cao kỹ thuật: 10 Km; Đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1:500, đường bình độ 0,5m: 0,5779 Km^2)	**Lần**	**1**
2	**Công tác khảo sát, đo đạc tính toán khối lượng các lần tiếp theo** (Đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1:500, đường bình độ 0,5m: 0,5779 Km^2)	**Lần**	**8**

Mục 2. Yêu cầu về thời gian thực hiện

1. Tổng thời gian thực hiện gói cung cấp: 48 tháng kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực.

2. Tiến độ chi tiết từng đợt:

- Công tác khảo sát, đo đạc, tính toán khối lượng lần đầu: Tối đa 40 ngày (bao gồm cả ngày lễ, thứ Bảy, Chủ nhật) kể từ ngày Bên A ban hành thông báo triển khai/bàn giao mặt bằng.

- Công tác khảo sát, đo đạc, tính toán các lần tiếp theo (08 lần): Tối đa 15 ngày cho mỗi lần kể từ ngày nhận được thông báo yêu cầu của Bên A (Bên A sẽ gửi thông báo bằng văn bản/email để Bên B chủ động bố trí nhân lực, thiết bị vào nhà máy thực hiện trước ít nhất 7 ngày).

Mục 3. Yêu cầu về kỹ thuật

1. Tiêu chuẩn áp dụng: Tuân thủ nghiêm ngặt Thông tư số 68/2015/TT-BTNMT, TCVN 9398:2012 (Công tác trắc địa trong xây dựng công trình) và các quy chuẩn hiện hành của Nhà nước.

2. Hệ quy chiếu: Sử dụng thống nhất hệ tọa độ quốc gia **VN-2000**, múi chiếu **3°**, kinh tuyến trục tỉnh **Lạng Sơn (107°15′)**, hệ số biến dạng chiều dài **\(k_0 = 0,9999\)** và hệ độ cao quốc gia Hòn Dấu.

3. Lưới khống chế và Mốc cố định:

- Dẫn truyền tọa độ, độ cao từ tối thiểu 02 điểm khống chế nhà nước/địa chính gần nhất.

- Bên B phải đúc và chôn tối thiểu 04 mốc bê tông cốt thép (kích thước ≥ 20x20x60 cm, gắn tâm sứ/lõi thép) tại vị trí ổn định ngoài phạm vi sạt lở, khai thác của bãi chứa để làm cơ sở kiểm tra, đối chiếu cho cả 09 đợt đo.

- Sai số vị trí điểm khống chế đo vẽ không vượt quá ±0,10 m; sai số khép độ cao thủy chuẩn kỹ thuật không vượt quá $f_h \leq \pm\sqrt{L}$ (mm) (L tính bằng km).

4. Đo vẽ chi tiết và Tính toán khối lượng:

- Khoảng cao đều đường đồng mức: 0,5 m (vùng bằng phẳng) và 1,0 m (vùng mái dốc, ta-luy).

- Khoảng cách điểm đo chi tiết ngoài thực địa không quá 7,5 m (tương đương 1,5 cm trên bản đồ 1/500). Đo dày đặc (1–2 m) tại các đường thay đổi địa hình đột ngột (đỉnh đống, chân đống, hố đào bốc xúc, bờ bao, rãnh thoát nước) và đo mở rộng ra ngoài chân bãi tối thiểu 15 m.

- Nếu sử dụng công nghệ bay chụp UAV/Drone RTK, bắt buộc bố trí tối thiểu 07 điểm khống chế ảnh mặt đất (GCP) đo bằng toàn đạc/RTK, độ phân giải mặt đất ≤ 2 cm/pixel và phải lọc bỏ toàn bộ thực vật, máy móc, phương tiện khỏi mô hình số độ cao (DEM) trước khi tính toán.

- Phương pháp tính khối lượng: Sử dụng phương pháp mô hình lưới tam giác không đều (TIN) trên phần mềm chuyên dụng (Civil 3D, Topo...) so sánh với bề mặt đáy tham chiếu do Bên A cung cấp (hoặc bề mặt đo của kỳ trước liền kề), đồng thời xuất kèm bảng tính đối chiếu theo phương pháp mặt cắt ngang (bước cắt 10–20 m). Sai lệch giữa hai phương pháp không vượt quá ±2%. Phải bóc tách và trừ đi thể tích các công trình hạ tầng kiên cố trong phạm vi bãi.

Chương V
DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

HỢP ĐỒNG

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

Hợp đồng số: _____

Gói cung cấp: Dịch vụ Đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500 để xác định khối lượng tro xỉ tồn bãi chứa tro xỉ của Nhà máy Nhiệt điện Na Dương - TKV.

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005 của Quốc hội;

Căn cứ Luật Đo đạc và bản đồ số 27/2018/QH14 ngày 14/06/2018 của Quốc hội;

Căn cứ Thông tư số 68/2015/TT-BTNMT ngày 22/12/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật đo đạc trực tiếp địa hình phục vụ thành lập bản đồ địa hình và cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1:500, 1:1.000, 1:2.000, 1:5.000;

Căn cứ Quyết định số 353/QĐ-ĐLTKV ngày 15/02/2024 của Tổng công ty điện lực - TKV về việc ban hành Quy định lựa chọn nhà cung cấp hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ bảo đảm tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh trong Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP (ĐLTKV);

Căn cứ Quyết định số _____ /QĐ-NĐND ngày ____/___/____ của Giám đốc Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp Gói cung cấp: Dịch vụ Đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500 để xác định khối lượng tro xỉ tồn bãi chứa tro xỉ của Nhà máy Nhiệt điện Na Dương - TKV;

Căn cứ các văn bản pháp lý khác có liên quan.

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Người mua (sau đây gọi là Bên A):

Tên người mua: Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV

Địa chỉ: Thôn 4, xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam.

Điện thoại: 02053. 844 263

Fax: 02053. 844 132

E-mail: : *naduong@vinacominpower.vn*

Tài khoản: 3510007744 tại Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam – Chi nhánh Lạng Sơn

Mã số thuế: 0104297034 - 001

Đại diện là ông: **Phạm Đức Tuyên**

Chức vụ: Giám đốc

Nhà cung cấp (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà cung cấp *[Ghi tên nhà cung cấp được lựa chọn]:* _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ *(trường hợp được ủy quyền) hoặc các tài liệu khác có liên quan.*

Sau khi bàn bạc, thỏa thuận, hai Bên thống nhất ký kết Hợp đồng cung cấp dịch vụ với các điều khoản cụ thể như sau:

ĐIỀU 1. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI CÔNG VIỆC

Bên A đồng ý thuê và Bên B đồng ý nhận thực hiện gói cung cấp: Dịch vụ Đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500 để xác định khối lượng tro xỉ tồn bãi chứa tro xỉ của Nhà máy Nhiệt điện Na Dương - TKV.

(Chi tiết nội dung công việc và đơn giá theo Phụ lục đính kèm theo).

ĐIỀU 2. YÊU CẦU KỸ THUẬT VÀ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

1. Tiêu chuẩn áp dụng: Tuân thủ nghiêm ngặt Thông tư số 68/2015/TT-BTNMT, TCVN 9398:2012 (Công tác trắc địa trong xây dựng công trình) và các quy chuẩn hiện hành của Nhà nước.

2. Hệ quy chiếu: Sử dụng thống nhất hệ tọa độ quốc gia **VN-2000**, múi chiếu **3°**, kinh tuyến trục tỉnh **Lạng Sơn (107°15′)**, hệ số biến dạng chiều dài **\(k_0 = 0,9999\)** và hệ độ cao quốc gia Hòn Dấu.

3. Lưới khống chế và Mốc cố định:

- Dẫn truyền tọa độ, độ cao từ tối thiểu 02 điểm khống chế nhà nước/địa chính gần nhất.

- Bên B phải đúc và chôn tối thiểu 04 mốc bê tông cốt thép (kích thước ≥ 20x20x60 cm, gắn tâm sứ/lõi thép) tại vị trí ổn định ngoài phạm vi sạt lở, khai thác của bãi chứa để làm cơ sở kiểm tra, đối chiếu cho cả 09 đợt đo.

- Sai số vị trí điểm khống chế đo vẽ không vượt quá ±0,10 m; sai số khép độ cao thủy chuẩn kỹ thuật không vượt quá $f_h \leq \pm\sqrt{L}$ (mm) (L tính bằng km).

4. Đo vẽ chi tiết và Tính toán khối lượng:

- Khoảng cao đều đường đồng mức: 0,5 m (vùng bằng phẳng) và 1,0 m (vùng mái dốc, ta-luy).

- Khoảng cách điểm đo chi tiết ngoài thực địa không quá 7,5 m (tương đương 1,5 cm trên bản đồ 1/500). Đo dày đặc (1–2 m) tại các đường thay đổi địa hình đột ngột (đỉnh đống, chân đống, hố đào bốc xúc, bờ bao, rãnh thoát nước) và đo mở rộng ra ngoài chân bãi tối thiểu 15 m.

- Nếu sử dụng công nghệ bay chụp UAV/Drone RTK, bắt buộc bố trí tối thiểu 07 điểm khống chế ảnh mặt đất (GCP) đo bằng toàn đạc/RTK, độ phân giải mặt đất ≤ 2 cm/pixel và phải lọc bỏ toàn bộ thực vật, máy móc, phương tiện khỏi mô hình số độ cao (DEM) trước khi tính toán.

- Phương pháp tính khối lượng: Sử dụng phương pháp mô hình lưới tam giác không đều (TIN) trên phần mềm chuyên dụng (Civil 3D, Topo...) so sánh với bề mặt đáy tham chiếu do Bên A cung cấp (hoặc bề mặt đo của kỳ trước liền kề), đồng thời xuất kèm bảng tính đối chiếu theo phương pháp mặt cắt ngang (bước cắt 10–20 m). Sai lệch giữa hai phương pháp không vượt quá ±2%. Phải bóc tách và trừ đi thể tích các công trình hạ tầng kiên cố trong phạm vi bãi.

ĐIỀU 3. HỒ SƠ SẢN PHẨM GIAO NỘP

Đối với mỗi đợt khảo sát (lần đầu và 08 lần định kỳ), Bên B phải bàn giao cho Bên A bộ sản phẩm hoàn chỉnh gồm:

1. Bản cứng (04 bộ - đóng dấu pháp nhân của Bên B và chữ ký Chủ nhiệm khảo sát):

- Báo cáo kỹ thuật kết quả khảo sát địa hình (kèm bảng tính bình sai lưới, đánh giá sai số và bảng tổng hợp chi tiết khối lượng tro xỉ phân theo từng khoang/khu vực).

- Bản đồ địa hình hiện trạng tỷ lệ 1/500 (in khổ A0/A1 trên giấy chất lượng cao), thể hiện rõ đường đồng mức, điểm cao độ, lưới tọa độ, ranh giới bãi chứa và các lớp địa vật.

- Bản vẽ các tuyến mặt cắt dọc, mặt cắt ngang bãi chứa thể hiện đường bề mặt hiện trạng và đường bề mặt đáy/kỳ trước.

- Hồ sơ pháp lý kèm theo: Biên bản bàn giao mốc tại thực địa (đợt 1), bản sao chứng thực Giấy phép hoạt động đo đạc bản đồ, Giấy chứng nhận kiểm định thiết bị đo còn hiệu lực tại thời điểm đo.

2. Dữ liệu số (02 bộ lưu trên USB/Ổ cứng di động - định dạng gốc chưa khóa):

- File bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500 định dạng AutoCAD (.dwg, .dxf) phân tách rõ các lớp (layer) địa vật, đường đồng mức, cao độ nút lưới.

- File mô hình bề mặt 3D (.xml, Civil 3D/Topo surface), file tọa độ điểm đo chi tiết (.txt, .csv, .xlsx) và toàn bộ file dữ liệu thô (Raw data) trút trực tiếp từ máy đo tại hiện trường để phục vụ công tác kiểm tra, nghiệm thu khối lượng chuyển giao thương mại.

ĐIỀU 4. THỜI GIAN VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

1. Tổng thời gian thực hiện gói cung cấp: 48 tháng kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực.

2. Tiến độ chi tiết từng đợt:

- Công tác khảo sát, đo đạc, tính toán khối lượng lần đầu: Tối đa 40 ngày (bao gồm cả ngày lễ, thứ Bảy, Chủ nhật) kể từ ngày Bên A ban hành thông báo triển khai/bàn giao mặt bằng.

- Công tác khảo sát, đo đạc, tính toán các lần tiếp theo (08 lần): Tối đa 15 ngày cho mỗi lần kể từ ngày nhận được thông báo yêu cầu của Bên A (Bên A sẽ gửi thông báo bằng văn bản/email để Bên B chủ động bố trí nhân lực, thiết bị vào nhà máy thực hiện trước ít nhất 7 ngày).

ĐIỀU 5. GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

1. Tổng giá trị hợp đồng (đã bao gồm thuế GTGT): ..... đồng *(Bằng chữ: .....). Trong đó:*

- Giá trị công tác khảo sát, đo đạc tính toán khối lượng lần đầu là:..... đồng.

- Giá trị công tác khảo sát, đo đạc tính toán khối lượng các lần tiếp theo: Giá trị 1 lần x 8 lần là: ..... đồng.

Giá trị này là giá trọn gói cố định trong suốt 48 tháng thực hiện hợp đồng, đã bao gồm toàn bộ chi phí nhân công, thiết bị, chôn mốc, vật tư, thuế GTGT và các chi phí liên quan khác *(Chi tiết đơn giá từng đợt được quy định tại Phụ lục đính kèm Hợp đồng).*

2. Phương thức thanh toán: Thanh toán theo từng đợt hoàn thành trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày Bên A nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ của Bên B.

3. Hồ sơ thanh toán mỗi đợt bao gồm:

- Biên bản bàn giao hồ sơ thanh toán;

- Công văn đề nghị thanh toán của Bên B;

- Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành;

- Hồ sơ sản phẩm;

- Hóa đơn GTGT hợp pháp theo quy định hiện hành.

ĐIỀU 6. KIỂM TRA, GIÁM SÁT VÀ NGHIỆM THU

1. Trong quá trình Bên B đo đạc tại hiện trường, Bên A có quyền cử cán

bộ kỹ thuật giám sát trực tiếp, kiểm tra giấy kiểm định thiết bị và yêu cầu xuất file dữ liệu thô ngay tại bãi chứa sau mỗi ca đo.

2. Khi nghiệm thu sản phẩm mỗi đợt, Bên A có quyền đo kiểm tra xác suất (từ 5% đến 10% tổng số điểm chi tiết) từ hệ thống mốc khống chế đã bàn giao. Nếu sai số vượt quá quy định tại Điều 2 của Hợp đồng này, Bên B phải tự bỏ chi phí để đo đạc và lập lại toàn bộ hồ sơ trong vòng 05 ngày.

3. Sản phẩm của Bên B sau khi được hai Bên nghiệm thu là căn cứ pháp lý chính thức để Bên A thực hiện việc đối chiếu, thanh quyết toán và nghiệm thu khối lượng tro xỉ chuyển giao thương mại với các đối tác tiêu thụ tro xỉ.

ĐIỀU 7. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN

1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

- Cung cấp cho Bên B hồ sơ mặt bằng ranh giới bãi chứa, bản vẽ hoàn công bề mặt đáy bãi chứa (nếu có) và tạo điều kiện thủ tục ra vào cổng nhà máy cho nhân sự, thiết bị của Bên B.

- Cử cán bộ đầu mối phối hợp giám sát hiện trường, nhận bàn giao mốc khống chế và tổ chức nghiệm thu đúng thời hạn.

- Thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho Bên B theo quy định tại Điều 5.

2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B:

- Đảm bảo huy động đúng nhân sự chủ chốt và thiết bị đo đạc có giấy kiểm định còn hiệu lực trong suốt 48 tháng thực hiện hợp đồng.

- Chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của số liệu đo đạc và kết quả tính toán khối lượng.

- Tuân thủ tuyệt đối các quy định về An toàn lao động, Phòng cháy chữa cháy, An ninh trật tự và Bảo vệ môi trường của Nhà máy Nhiệt điện .....; trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ cá nhân (khẩu trang lọc bụi mịn, kính chống bụi, giày/ủng bảo hộ, áo phản quang) cho người lao động khi làm việc tại bãi tro xỉ.

- Bảo mật tuyệt đối mọi thông tin, số liệu, bản vẽ kỹ thuật của Bên A; không được cung cấp dữ liệu cho bên thứ ba nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Bên A.

ĐIỀU 8. PHẠT VI PHẠM VÀ BỒI THƯỜNG THIỆT HẠI

Nếu Bên B chậm tiến độ bàn giao sản phẩm theo quy định tại Điều 4 mà không được Bên A chấp thuận gia hạn bằng văn bản, Bên B chịu phạt vi phạm với mức 0,1% giá trị của đợt thực hiện bị chậm cho mỗi ngày chậm trễ, nhưng tổng mức phạt không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm. 8.2. Trường hợp sai sót trong số liệu đo đạc, tính toán của Bên B gây ra thiệt hại kinh tế cho Bên A trong quá trình nghiệm thu thương mại với bên thứ ba, Bên B phải chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại thực tế phát sinh.

ĐIỀU 9. BẤT KHẢ KHÁNG VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết (bão lũ, thiên tai, dịch bệnh, thay đổi chính sách pháp luật...). Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, Bên bị ảnh hưởng phải thông báo bằng văn bản cho Bên kia trong vòng 03 ngày làm việc.

2. Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn nếu Bên B vi phạm tiến độ quá 15 ngày hoặc không khắc phục được sai số kỹ thuật sau 02 lần yêu cầu chỉnh sửa.

ĐIỀU 10. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP VÀ ĐIỀU KHOẢN CHUNG

1. Mọi tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng này trước hết được giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải trên tinh thần hợp tác. Nếu không thể hòa giải được trong vòng 30 ngày, một trong hai Bên có quyền đưa vụ việc ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền tại nơi đặt trụ sở của Bên A để giải quyết. Phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng buộc các Bên phải thi hành.

2. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và tự động thanh lý sau khi hai Bên hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ của đợt khảo sát cuối cùng (đợt thứ 09) và hoàn tất thanh toán.

3. Hợp đồng được lập thành 04 bản tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 02 bản để thực hiện.

Điều 15. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ký.

2. Hợp đồng hết hiệu lực khi hai Bên đã hoàn thành toàn bộ các nghĩa vụ quy định trong Hợp đồng này.

Hợp đồng được lập thành 06 bộ, Bên A giữ 04 bộ, Bên B giữ 02 bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN B **GIÁM ĐỐC**	**ĐẠI DIỆN BÊN A** **GIÁM ĐỐC**

PHỤ LỤC
CHI TIẾT NỘI DUNG CÔNG VIỆC VÀ GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG
Gói cung cấp: Dịch vụ Đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500 để xác định khối lượng tro xỉ tồn bãi chứa tro xỉ của Nhà máy Nhiệt điện Na Dương – TKV

(Đính kèm theo Hợp đồng số .....HĐ...)

Stt	Nội Dung	Đvt	Số lượng	Đơn giá *(đồng/đvt)*	Thành tiền *(đồng)*
0	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)=(3)*(4)*
1	**Công tác khảo sát, đo đạc tính toán khối lượng lần đầu** (Lập lưới giải tích I: 8 điểm; Lưới độ cao kỹ thuật: 10 Km; Đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1:500, đường bình độ 0,5m: 0,5779 Km^2)	**Lần**	**1**		
2	**Công tác khảo sát, đo đạc tính toán khối lượng các lần tiếp theo** (Đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1:500, đường bình độ 0,5m: 0,5779 Km^2)	**Lần**	**8**		
-	**Cộng**				
-	**Thuế GTGT 8%**				
-	**Tông cộng**				